

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12-2024
V/v: Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 759/2024/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/QĐXXST - DS 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A, đường D, tổ F, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Văn Q, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: Số nhà D, đường P, tổ dân phố D, khu phố D, phường A, quận P, Thành Phố Hồ Chí Minh; tạm trú tại: Nhà T, đường D, tổ F, khu phố C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:

Bà và ông Q chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2011, đăng ký ngày 23/4/2011, hôn nhân tự nguyện. Giữa bà và ông Q sống không hạnh phúc, nguyên nhân do ông Q không chăm lo làm việc, thường xuyên nợ nần không rõ lý do, không phụ giúp gia đình về kinh tế. Đối với lời trình bày của ông Q tại Bản tự khai ngày 12/11/2024 cho rằng mâu thuẫn là chỉ vì lý do ông Q xảy ra va chạm giao thông và phải bồi thường thiệt hại cho người khác, nên tiền làm ra ông Q dùng để bồi thường, không phụ cấp, đưa cho bà, từ đó bà không đồng ý và xảy ra mâu thuẫn với ông Q, lời khai này của ông Q là không đúng; việc ông Q tạo nợ nần là thường xuyên, không phải chỉ một lần như ông Q trình bày. Từ tháng 5/2024, ông Q ở riêng cho đến nay, trong thời gian này ông Q và bà không hòa giải đoàn tụ được. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q có 01 con chung tên Trương Triệu V, sinh ngày 22/02/2012. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 12 tháng 11 năm 2024, bị đơn ông Trương Văn Q trình bày:

Ông và bà Đ chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, hôn nhân tự nguyện. Giữa ông và bà Đ vẫn chung sống hạnh phúc; tuy nhiên, vào khoảng tháng 5/2024 ông có xảy ra va chạm giao thông và phải bồi thường thiệt hại cho người khác, nên tiền làm ra ông dùng để bồi thường mà không phụ cấp, đưa cho bà Đ, từ đó bà Đ không đồng ý và xảy ra mâu thuẫn với ông. Cũng trong tháng 5/2024, bà Đ thuê phòng trọ cho ông ở riêng cho đến nay. Ngoài nguyên nhân trên, giữa ông và bà Đ không có mâu thuẫn gì. Nay bà Đ yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Đ có 01 con chung tên Trương Triệu V, sinh ngày 22/02/2012. Bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con chung. Ý kiến của ông như sau: Đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của cháu V, cháu muốn được ở với ai thì giao cho người đó, ông không ý kiến, trường hợp nếu cháu ở với ông, ông không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, ông Trương Văn Q vắng mặt và đều có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông Q.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đối với bị đơn ông Trương Văn Q:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông Q chung sống từ 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyền số 01/2011, đăng ký ngày 23/4/2011, đây hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông Q, ông Q không đồng ý. Xét thấy, bà Đ yêu cầu ly hôn với ông Q là do ông Q không chăm lo làm việc, thường xuyên nợ nần không rõ lý do, không phụ giúp gia đình về kinh tế, ông Q thừa nhận giữa ông Q với bà Đ có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông không phụ tiền cho bà Đ trong việc trang trải sinh hoạt gia đình, nên lời trình bày của bà Đ là có căn cứ; hiện ông Q, bà Đ đã không sống chung trong gia đình từ tháng 5/2024 cho đến nay. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà Đ và ông Q đã tới mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần cho bà Đ được ly hôn với ông Q.

2.2 Về con chung: Bà Đ và ông Q có 01 con chung tên Trương Triệu V, sinh ngày 22/02/2012. Bà Đ yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Triệu V, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng, ông Q đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của cháu V, cháu muốn được ở với ai thì giao cho người đó, ông không ý kiến, trường hợp nếu cháu ở với ông, ông không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng. Xét yêu cầu của bà Đ là phù hợp với nguyện vọng của cháu Trương Triệu V thể hiện tại Bản tự khai ngày 10/10/2024 và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giao cháu Trương Triệu V cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ghi nhận bà Đ không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi

con.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ, ông Q không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 9, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; các Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đối với bị đơn ông Trương Văn Q về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Trương Văn Q.
- Về con chung: Giao con chung tên Trương Triệu V, sinh ngày 22/02/2012 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không yêu cầu ông Trương Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trương Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, ông Trương Văn Q không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp theo Biên lai thu kí hiệu BLTU/24, số 0000934 ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đã nộp xong tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, ông Trương Văn Q có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận **T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- TAND tỉnh Bình Dương
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Lưu: HS, VP.

Lê Cẩm Hằng